

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TÊN ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Năm báo cáo: 2015.

KÍNH GỬI: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC.
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

I/Thông tin chung:

1/ Thông tin khái quát:

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Tên giao dịch : KHANH HOA SALT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : KHASASCO

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4200476869 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 22/01/2002, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 17/11/2009

Vốn điều lệ : **37.398.230.000 đồng** (Ba mươi bảy tỷ ba trăm chín mươi tám triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng)

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: **37.398.230.000 đồng.**

Địa chỉ : 108 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : (058) 3832778 - 3831063

Fax : (058) 3813065

Website : Khasasco.com.vn

Mã cổ phiếu : **KSC**

Quá trình hình thành và phát triển:

- Năm 2001 Công ty Muối Khánh Hòa chuyển thành Công ty cổ phần Muối Khánh Hòa theo quyết định số 1366/QĐ-TTg ngày 17/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Vốn điều lệ 16.050.000.000 đồng.

- Đến năm 2004 được sự đồng ý của UBND tỉnh Khánh Hòa (Quyết định số 706/QĐ-UB ngày 29/3/2004) cho phép tiến hành đưa giá trị của Cảng Hòn Khói (*đơn vị trực thuộc Công ty*) vào giá trị của Công ty bằng cách ghi tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Vốn điều lệ của Công ty sau khi đã bao gồm giá trị của cảng Hòn Khói là 17.111.700.000 đồng.

- Tháng 05/2009 Công ty đã thực hiện thưởng 633.133 cổ phần từ nguồn quỹ Đầu tư Phát triển; Vốn điều lệ của Công ty: 23.443.030.000 đồng.

- Tháng 10/2009 Công ty đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng Vốn điều lệ của Công ty lên thành 37.398.230.000 đồng.

- Ngày 28/05/2010 Cổ phiếu Công ty cổ phần Muối được chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội với nội dung sau:

- * Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty cổ phần Muối Khánh hòa.
- * Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông.
- * Mã chứng khoán : KSC.
- * Mệnh giá : 10.000 đồng.

2/Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a/ **Ngành nghề kinh doanh:** (chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

- Sản xuất và kinh doanh: Muối hạt, muối chế biến và sản phẩm sau Muối.
- Kinh doanh dịch vụ Cảng biển, kho bãi, vận chuyển và bốc xếp hàng hóa.

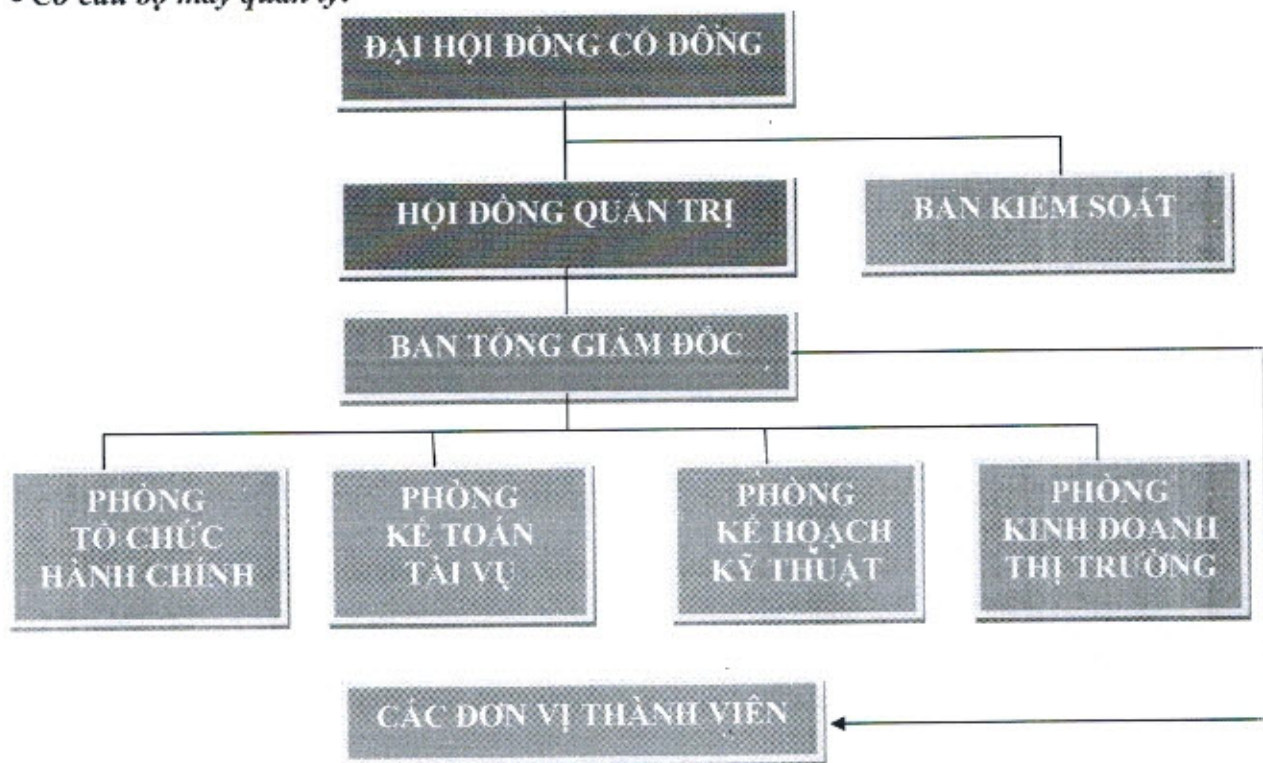
b/ **Địa bàn kinh doanh:** (chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

- Địa bàn kinh doanh Muối các loại và Dịch vụ : Tỉnh Khánh hòa và các tỉnh Tây nguyên.
- Địa bàn sản phẩm Muối tại các tỉnh phía Bắc.

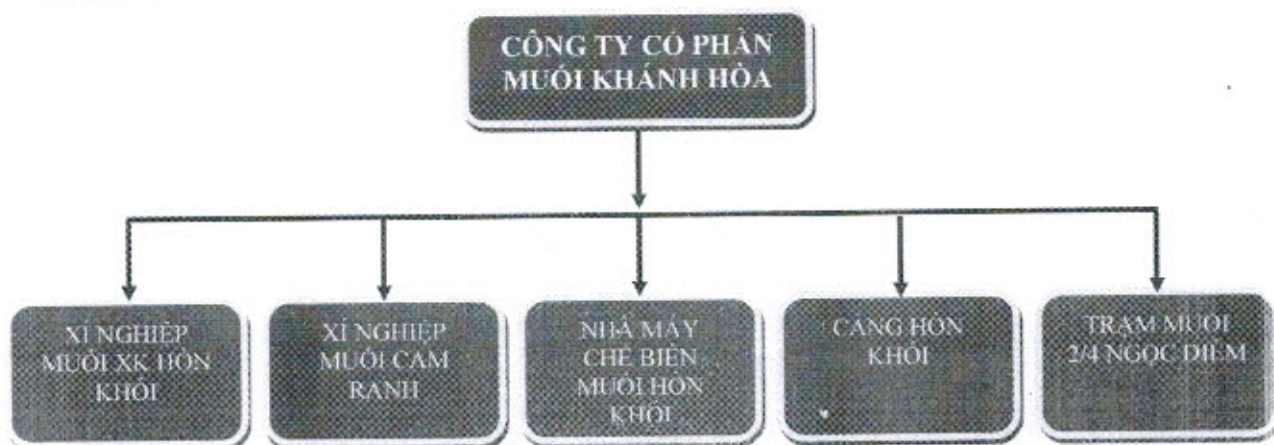
3/Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

• **Mô hình quản trị:** Công ty cổ phần.

• **Cơ cấu bộ máy quản lý:**



Sơ đồ tổ chức:



Trụ sở chính: **Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa**

Địa chỉ: Số 108 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3831065 - 3832778

Fax: (058) 3831065

Email: ctcpmuoikh@gmail.com

Các đơn vị trực thuộc

- **Xí nghiệp Muối XK Hòn Khói**

Địa chỉ: Ninh Diêm, Ninh Hòa, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3849491

Fax: (058) 3849491

- **Xí nghiệp Muối Cam Ranh**

Địa chỉ: Cam Thịnh Đông, Cam Ranh, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3978052

Fax: (058) 3978052

- **Nhà máy Chế biến Muối Hòn Khói**

Địa chỉ: Ninh Diêm, Ninh Hòa, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3849159

Fax: (058) 3849447

- **Cảng Hòn Khói**

Địa chỉ: Ninh Hải, Ninh Hòa, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3849189

Fax: (058) 3670610

- **Trạm Muối 2/4 Ngọc Diêm**

Địa chỉ: Ninh Ích, Ninh Hòa, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3624005

4/Định hướng phát triển:

➤ **Mục tiêu và các giải pháp:**

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, điều chỉnh công nghệ với những giải pháp hợp lý, từng bước đưa cơ giới vào sản xuất để nâng năng suất, chất lượng hiệu quả và hạn chế sự ảnh hưởng của thời tiết, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ.

- Đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng ngành dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh của Doanh nghiệp.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm để phục vụ tốt hơn nhu cầu của thị trường.

➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Thường xuyên cập nhật thông tin về kinh tế thế giới, các chính sách của Nhà nước để có những chính sách, chiến lược kinh doanh phù hợp hàng năm nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững.

- Mở rộng thị trường bằng những chính sách bán hàng linh hoạt, đáp ứng nhu cầu khách hàng một cách nhanh chóng hiệu quả.

- Quan tâm công tác quảng bá thương hiệu, từng bước hoàn thiện bộ máy quản lý gọn nhẹ.

➤ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

- Đảm bảo sự tồn tại và phát triển của Doanh nghiệp luôn hài hòa với phát triển của cộng đồng xã hội, có chính sách hỗ trợ người dân bị thiên tai, chăm lo người nghèo...

- Đảm bảo và thực hiện tốt an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường sản xuất, luôn tuân thủ các qui định của luật môi trường.

5/Các rủi ro:

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty CP Muối Khánh Hòa là sản xuất và kinh doanh muối, là một doanh nghiệp có truyền thống và kinh nghiệm trong sản xuất và kinh doanh, có uy tín về chất lượng trên thị trường, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ tốt trong kinh doanh với khách hàng truyền thống và tạo được nguồn tiêu thụ ổn định.

Tuy nhiên, sắp đến hàng rào thuế quan sẽ xóa bỏ, các quy định về hạn ngạch và thuế suất nhập khẩu được dỡ bỏ thì sản phẩm của Công ty sẽ phải cạnh tranh với muối nhập khẩu, điều này

sẽ ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về thời tiết:

Sự biến đổi khí hậu thời tiết trong những năm qua ảnh hưởng rất lớn đến năng suất và chất lượng của sản phẩm muối của Công ty cổ phần Muối Khánh Hòa. Ngoài ra, khâu thu hoạch và bảo quản muối đều diễn ra ngoài trời sẽ ảnh hưởng rất lớn nếu điều kiện thời tiết không thuận lợi.

Rủi ro luật pháp:

Công ty CP Muối Khánh Hòa hoạt động theo các qui định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

Hiện nay, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, hiện Công ty đang quản lý và sử dụng trên diện tích 500 ha. Theo quy hoạch phát triển ngành muối, các địa phương sẽ duy trì diện tích muối hiện có. Tuy nhiên, đến nay các văn bản hướng dẫn cụ thể việc đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích sản xuất muối tại các địa phương chưa hoàn thiện. Do đó, rủi ro về luật pháp đối với quyền sử dụng đất làm muối hiện đang là một vấn đề mà Công ty phải cân nhắc.

Rủi ro về tài chính:

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường. Do đó cần thiết lập các chính sách kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro về tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa.v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II/ Tình hình hoạt động trong năm 2015:

1/ Tình hình hoạt động sản xuất - kinh doanh:

a/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014 (tấn)	Năm 2015		
			Kế hoạch (tấn)	Thực hiện (tấn)	% So với KH
1	Sản xuất				
	- Muối hạt	42.091	41.350	57.311	138,60
	- Muối chế biến các loại	3.241	3.400	3.980	117,06
2	Xuất kho - tiêu thụ				
	- Muối hạt	38.609	40.450	45.182	110,70
	- Muối chế biến các loại	3.626	3.400	3.416	100,49
3	Dịch vụ				
	- Hàng qua Cảng Hòn Khói	402.382	350.000	385.268	110,08

b/ Doanh thu: (so sánh với năm liền kề)

DVT: tr.đồng.

TT	Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Muối hạt	38.498	53,77	32.885	51,75
2	Muối chế biến, muối Nhật	9.890	13,82	9.851	15,50

3	Dịch vụ Cảng	17.579	24,55	17.493	27,53
4	Doanh thu khác	5.627	7,86	3.314	5,22
	Tổng cộng	71.594	100	63.543	100

c/ Lợi nhuận trước thuế: (so sánh với năm liền kề)

DVT: tr.đồng.

TT	Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Muối hạt	11.015	51,76	8.071	54,66
2	Muối chế biến, muối Nhật	1.087	5,11	1.441	9,76
3	Dịch vụ Cảng	4.428	20,81	4.033	27,31
4	Dịch vụ khác	4.750	22,32	1.222	8,27
	Tổng cộng	21.280	100	14.767	100

d/ So với kế hoạch:

DVT: tr.đồng.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015		So với kế hoạch (%)
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	59.995	63.543	105,92
2	Lợi nhuận trước thuế	9.277	14.767	159,17

Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, Doanh thu, lợi nhuận, chi phí, sản phẩm: Năm 2015 không có những biến động lớn về chiến lược kinh doanh.

➤ Về sản xuất:

Muối hạt: năm 2015 thời tiết thuận lợi cho sản xuất muối, sản lượng muối hạt 57.311 tấn/41.350 tấn đạt 138,6% kế hoạch và đạt 136,16% so cùng kỳ 2014.

Muối chế biến: Sản lượng muối chế biến đạt 3.980 tấn/3.400 đạt 117,06 % so với kế hoạch và đạt 122,8 so với cùng kỳ năm 2014.

Dịch vụ hàng qua Cảng Hòn Khói : đạt 385.268 tấn/350.000 tấn đạt 110,08 % kế hoạch đạt 95,75% so với cùng kỳ năm 2014.

➤ Về tiêu thụ:

Muối hạt tiêu thụ ổn định trên những thị trường truyền thống, lượng tiêu thụ đạt 110,7% kế hoạch, chiếm tỷ trọng 51,75% Doanh thu toàn Công ty năm 2015.

Sản phẩm muối chế biến tiêu thụ được đạt 100,49% kế hoạch, chiếm tỷ trọng 15,5% doanh thu năm 2015.

Sản phẩm Dịch vụ đạt 110,08% kế hoạch, chiếm tỷ trọng 27,53% doanh thu năm 2015.

➤ Năm nay các chỉ tiêu về Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty đều đạt và vượt so với kế hoạch do lượng muối hạt tiêu thụ và hàng qua cảng Hòn Khói đều vượt so kế hoạch. Đây là hai loại hình chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu của Công ty vì vậy các chỉ tiêu về lợi nhuận, cổ tức năm nay đều vượt so với kế hoạch.

Tuy nhiên so với cùng kỳ 2014, chỉ tiêu về Doanh thu và lợi nhuận giảm. Nguyên nhân là do giá sản phẩm muối hạt năm 2015 giảm khoảng 25% so với năm 2014 trong khi các khoản chi phí về giá thành đều tăng so với cùng kỳ, mặt khác sản phẩm muối hạt chiếm tỷ trọng >51% tổng doanh số, vì vậy lợi nhuận trước thuế năm 2015 chỉ đạt 69% so cùng kỳ năm trước.

2/Tổ chức và nhân sự:

a / Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND	Số cổ phiếu sở hữu đến 31/12/2014	Tỷ lệ CP/VĐL (%)
01	Văn Hiền Đức	CT HĐQT - Tổng G.đốc	1957	225036238	134.700	3,60
02	Lê Văn Tâm	TV HĐQT - P Tổng G.đốc	1959	220772759	44.677	1,19
03	Vũ Mạnh Kiên	TV HĐQT - P Tổng G.đốc	1958	225050335	34.000	0,91
04	Hoàng Ngọc Tiến	P Tổng G.đốc	1963	220043708	496.958	13,29
05	Nguyễn Thị Mỹ Huệ	Kế toán trưởng	1966	220677523	17.000	0,45

b / Những thay đổi trong ban điều hành : không.

c / Số lượng cán bộ, nhân viên; chính sách đối với người lao động:

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2015:

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Hợp đồng không xác định thời hạn	397	100
Hợp đồng có xác định thời hạn	0	0
Tổng cộng:	397	100

Tóm tắt chính sách và những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Công ty cổ phần Muối Khánh Hòa hiện áp dụng hệ thống lương theo thang bậc và thâm niên công tác. Người lao động trong Công ty được đảm bảo mọi quyền lợi theo quy định như đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

- Hàng năm Công ty đều trích 15% lợi nhuận sau thuế để bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi cho cán bộ công nhân viên.

- Công tác xây dựng định mức lao động và tiền lương: việc rà soát và điều chỉnh bổ sung định mức được thực hiện thường xuyên hàng năm, đây là cơ sở để Công ty khoán các khoản chi phí như tiền lương và chi phí sản xuất đến cho từng đơn vị cơ sở và người lao động,

- Định kỳ hàng tháng chi trả kịp thời tiền lương cho người lao động và hàng năm đều tính toán phân bổ tiền lương theo hiệu quả kinh doanh.

- Công tác an toàn vệ sinh và bảo hộ lao động được quan tâm, trang bị đầy đủ.

3/ Tình hình đầu tư và thực hiện các Dự án:

a/ Các Dự án lớn: không.

b/ Các khoản đầu tư tài chính : Không.

c/ Các khoản đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị năm 2015:

TT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Kinh phí
1	Xí nghiệp Muối XK Hòn khói	Tr.đồng	<u>243</u>
	Đầu tư hệ thống mương cấp và thoát nước tại khu kết tinh bột che mưa Đồng Hòn khói	Tr.đồng	124
	Sửa chữa lớn Hồ nước nước chạt khu kết tinh Muối lốt bột A-B	Tr.đồng	79
	Xây dựng xưởng sửa chữa cơ khí	Tr.đồng	40
2	Xí nghiệp Muối Cam ranh		<u>314</u>
	Xây dựng hồ chứa nước chạt số 5	Tr.đồng	180
3	Xây trạm bơm, cải tạo ô bột che mưa số 01 và sửa chữa thiết bị ô bột che mưa	Tr.đồng	134
	Nhà máy chế biến Muối Hòn khói		<u>902</u>
4	Sửa chữa lớn phân xưởng đóng gói Muối I ốt	Tr.đồng	579
	Đầu tư lò muối nấu và Khu vực phơi sấy muối, sản xuất muối trong nhà	Tr.đồng	323
4	Cảng Hòn khói		<u>3.757</u>
	Xây dựng kho tiền chế 1575m ²	Tr.đồng	2.580
	Xây dựng trạm biến áp và hệ thống điện nội bộ Cảng Hòn khói	Tr.đồng	356
	Xây dựng đường bê tông nội bộ	Tr.đồng	541
	Đầu tư lắp đặt 02 phao neo tàu	Tr.đồng	280
5	Mua sắm thiết bị	Tr.đồng	<u>100</u>
	Trang bị 01 xe máy cày YANMAR	Tr.đồng	100
	CỘNG	Tr.đồng	<u>5.316</u>

c/ Hoạt động của Công ty con, Công ty liên kết: không.

4/ Tình hình tài chính:

a /Tình hình tài chính:

ĐVT: đồng.

CHỈ TIÊU	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	72.191.725.224	71.762.819.364	-0,75%
Doanh thu thuần	65.966.927.699	60.229.539.043	-8,70%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.136.450.500	11.980.148.649	-30,09%
Lợi nhuận khác	4.143.331.439	2.786.578.955	-32,74%
Lợi nhuận trước thuế	21.279.781.939	14.766.727.604	-30,60%
Lợi nhuận sau thuế	16.869.491.382	11.745.760.232	-30,37%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	36,14%	25,12	-30,49%

4.2/Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1/Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn +Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,18 0,95	1,22 0,75	
2/ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số nợ / Tổng tài sản + Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0,23 0,30	0,22 0,28	
3/ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần / Tổng tài sản	12,42 0,91	6,19 0,84	
4/Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số LN sau thuế / Doanh thu thuần + Hệ số LN sau thuế /Vốn chủ sở hữu + Hệ số LN sau thuế /Tổng tài sản + Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,25 0,30 0,23 0,25	0,19 0,21 0,16 0,19	

5/ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

a/ Cổ phần:

Tên gọi	Số lượng	Ghi chú
Tổng số cổ phần đang lưu hành	3.793.823	
Trong đó		
- Cổ phần chuyển nhượng tự do	3.793.823	
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	

b/ Cơ cấu cổ đông: tính đến thời điểm 17/12/2015

+ Cơ cấu cổ đông :

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
Cổ đông Nhà nước:	0	0	0
Cổ đông trong nước		3.739.823	100%
- Tổ chức (cổ phiếu quỹ)	01	99	0,003%
- Cá nhân	423	3.739.724	99.997%
Tổng cộng	424	3.739.823	100%

+ Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty :

Tên cổ đông	CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ lệ/ Vốn cổ phần
Nguyễn Thị Phượng	030966411	28/292 Lạch Tray, TP. Hải Phòng.	355.405	3.554,05	9,50%
Hoàng Ngọc Tiến	220043708	33 Âu cơ, TP Nha trang, Tỉnh Khánh hòa	496.958	4.969,58	13,29%

c/Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu: không thay đổi.

d/Giao dịch cổ phiếu quỹ: không.

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 99 cổ phần

e/Các chứng khoán khác: Không.

6/ Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a/ Tổng số nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Sản xuất Muối hạt :
Nguyên liệu chính : sử dụng nước biển để sản xuất Muối.
- Sản xuất Muối chế biến:
Nguyên liệu chính : Muối hạt
Nguyên vật liệu phụ: Bao bì PP (loại 20kg/bao) : 68.000 cái, Bao PE (loại 0,5kg/gói): 5.400.000 cái
- Dịch vụ: không sử dụng nguyên vật liệu.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Điện năng: 392.000kw/năm.
Sản xuất muối hạt: 300.000kw/năm.
Sản xuất muối chế biến: 80.000kw/năm.
Dịch vụ: 12.000 kw/năm.
- Dầu Diezen:
Dịch vụ Cảng : Dầu : 120.000 lít /năm.
Nhớt: 2.400 lít /năm.

➤ Chất đốt:

Sản xuất muối chế biến: nguồn chất đốt tận thu: trấu, gỗ bìa... nhu cầu 1.400 ster/năm.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cấp nước ngọt: Công ty cấp thoát nước địa phương.

Lượng nước sử dụng: 4.000 m³/năm.

Mục đích sử dụng: phục vụ nhu cầu nước sinh hoạt.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động : 397 lao động (lao động nữ: 139).

Thu nhập bình quân năm 2015: 5.850.000 đồng/người tháng.

(trong đó: tiền lương bình quân: 5.600.000đồng/người/tháng).

b) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Hàng năm Ban điều hành công ty đều tổ chức học tập kiến thức về sản xuất và thi nâng bậc cho bộ phận Công nhân trực tiếp sản xuất đủ điều kiện nâng bậc theo qui định.

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: không.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III/Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc :

I/ Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

DVT: tr.đồng.

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2014	Năm 2015		
			Kế hoạch	Thực hiện	% so với KH
01	Tổng Doanh thu	71.593,99	59.995,00	63.543,87	105,92
02	Chi phí	50.314,21	50.718,00	48.777,15	96,17
03	Tổng lợi nhuận trước thuế	21.279,78	9.277,00	14.766,73	159,17
04	Chi phí thuế TNDN	4.410,29	2.040,94	3.020,97	148,02
05	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.869,49	7.036,06	11.745,76	166,94
06	Trích nộp các quỹ	3.373,90	1.407,21	2.349,14	166,94
07	Cổ tức	13.514,27	5.528,85	9.396,61	166,94
	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	36,14	15,05	25,125	166,94
08	Nộp Ngân sách	6.361,38	2.441	4.901	261,0

2/ Tình hình tài chính:**a/ Tình hình tài sản:**

ĐVT: tr.đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2014	NĂM 2015	% so với 2014
Tài sản ngắn hạn	18.802	17.772	94%
Tài sản dài hạn	53.390	53.880	100,9%
Tổng tài sản	72.192	71.653	99%
Tổng nợ	16.879	15.892	94%
Trong đó: Nợ ngắn hạn	15.921	14.533	
Nợ dài hạn	958	1.359	
Vốn chủ sở hữu	55.313	55.761	100,8%
Tổng nguồn vốn	72.192	71.652	99%

- Tổng tài sản đến ngày 31/12/2015: 71.652 tr.đồng , giảm so với năm 2014 là 540 tr.đồng tỷ lệ giảm là 1% .
- Hiệu quả sử dụng tài sản:
LN sau thuế / tổng tài sản = 0,16 , giảm 0,07% so với năm 2014.
- Nguồn vốn chủ sở hữu: 55.761 tr.đồng tăng 0,8% so với năm 2014.
- Công ty không có nợ phải thu xấu hoặc tài sản xấu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

b/ Tình hình nợ phải trả:

- Vay ngắn hạn phục vụ sản xuất : 5.637 tr.đồng (tại thời điểm 31/12/2015) thời hạn vay 06 tháng,
Nguồn thế chấp: tài sản của Công ty; Công ty vẫn đảm bảo thời hạn trả theo Hợp đồng tín dụng, không có nợ quá hạn.
- Vay dài hạn: số dư nợ 1.359 tr.đồng (tại thời điểm 31/12/2015),
Định kỳ trả gốc hàng quý, không có nợ quá hạn.
- Các khoản phải trả cho CNV : Số dư 3.640 triệu đồng (tại thời điểm 31/12/2015).
Công ty chỉ trả trong quý 1/2016 .
- Các khoản phải trả cho người bán, người mua ứng trước, phải trả khác : không biến động lớn hoặc không có nợ phải trả xấu.
- Chênh lệch tỷ giá : không ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

3/ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không**4/ Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Trong điều kiện hội nhập quốc tế trên toàn cầu và diện tích đất sản xuất muối ngày càng thu hẹp để phát triển ngành một cách bền vững, Công ty cổ phần Muối Khánh hòa định hướng phát triển Doanh nghiệp với mục tiêu sau: ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, điều chỉnh công nghệ với những giải pháp hợp lý, từng bước đưa cơ giới vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm với các giải pháp sau :

Đối với sản xuất muối:

- Đầu tư chiều sâu để nâng cao năng lực sản xuất của các đồng muối: đầu tư ô kết tinh muối, hệ thống hồi chạt và hồ chứa nước chạt, các công trình hạ tầng kỹ thuật...
- Đầu tư thiết bị: cơ giới hóa trong khâu thu hoạch muối, hệ thống máy móc, thiết bị sản xuất muối chế biến.

Đối với ngành dịch vụ:

- Phát triển qui mô Cảng Hòn khói: mở rộng cầu bến, các ngành dịch vụ để thu hút các tàu và hàng hóa cập bến làm hàng.

- Xây dựng hệ thống kho hàng, đường nội bộ, bổ sung máy móc thiết bị để nâng cao năng lực của Cảng.

Với những định hướng trên, Công ty cổ phần muối Khánh hòa xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 với những chỉ tiêu cơ bản như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Ghi chú
A	Sản xuất			
	Muối hạt	Tấn	43.200	
B	Muối chế biến các loại	Tấn	3.400	
	Tiêu thụ			
C	Muối hạt	Tấn	40.900	
	Muối chế biến các loại	Tấn	3.400	
D	Dịch vụ Cảng	Tấn	350.000	
	Các chỉ tiêu tài chính			
	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	53.243	
	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.428	
	Cổ tức	%	9,29	
	Thu nhập bình quân	1.000đ/ng.tháng	5.500	
	Nộp ngân sách	Tr.đồng	2.685	

5/ Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không.

6/ Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về xã hội và môi trường:

➤ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Đối với hoạt động sản xuất và chế biến muối: Quy trình sản xuất tại Công ty sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ là nguồn nước biển, nguồn thải hồi là nước ót được sử dụng để sản xuất hóa chất vì việc sản xuất và chế biến muối hầu như không ảnh hưởng đến môi trường.

Đối với hoạt động Dịch vụ Cảng: Công ty thực hiện đầy đủ quy định về việc quản lý và giám sát môi trường như: Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, thực hiện việc kiểm tra giám sát và báo cáo về Đơn vị chức năng các chỉ tiêu môi trường theo định kỳ. Quản lý các chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động theo qui định.

➤ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Với đặc thù của hoạt động của ngành sản xuất, chế biến Muối và dịch vụ bốc xếp; Nhu cầu hàng năm về lao động của Công ty khoảng 400 lao động, trong đó lao động giản đơn khoảng 300 lao động, điều này đã giải quyết được rất lớn áp lực về vấn đề việc làm tại địa phương.

Trong quá trình sử dụng lao động, Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động theo quy định hiện hành, tiền lương, thưởng... được chi trả kịp thời, Bảo hiểm xã hội BHYT, BH thất nghiệp... thực hiện đầy đủ. Thường xuyên quan tâm đến công tác nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Trong năm không có tranh chấp cũng như đơn khiếu nại về chính sách người lao động.

➤ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Doanh nghiệp với cộng đồng địa phương:

Doanh nghiệp luôn có trách nhiệm với cộng đồng địa phương; Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp không xảy ra tình trạng mất an ninh trật tự, khiếu tố khiếu nại... Tích cực tham gia và ủng hộ các phong trào của địa phương.

IV/ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty:

1/ Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2015, trong tình hình khó khăn chung đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt giá muối giảm mạnh, Công ty đã thực hiện tốt và đạt được kế hoạch hầu hết các chỉ tiêu cơ bản sau:

- Về sản xuất, kinh doanh: các chỉ tiêu về Sản xuất, tiêu thụ, Doanh thu, Lợi nhuận, cổ tức và thu nhập cho người lao động đều đạt và vượt so với chỉ tiêu Đại hội cổ đông đã quyết nghị.
- Về đầu tư XDCB: thực hiện đúng kế hoạch đề ra, đang phát huy hiệu quả.
- Các mặt công tác khác như: Công tác phòng chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, Công tác xã hội an ninh quốc phòng, hoạt động của các đoàn thể Công ty thực hiện tốt.

2/ Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Ban giám đốc:

Trong điều hành hoạt động của Công ty, Ban giám đốc Công ty luôn nỗ lực làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, ứng phó kịp thời với những chuyển biến của thị trường, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị, ra sức tìm mọi biện pháp khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và điều lệ của Công ty.

3/Các kế hoạch định hướng của HĐQT:

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật điều chỉnh công nghệ với những giải pháp hợp lý, từng bước cơ giới hóa vào sản xuất để nâng cao năng suất chất lượng, hạn chế tác động của thời tiết đối với sản xuất.
- Đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm công ty với sản phẩm cùng loại trên thị trường trong và ngoài nước.
- Giữ vững thị trường đã có, mở rộng thị trường muối chế biến.
- Đầu tư máy móc thiết bị, kho hàng để nâng cao năng lực khai thác của Cảng Hòn Khôi.

V/ Báo cáo tài chính:

1/ Ý kiến kiểm toán

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn (A&C) - CN Nha trang.**

- Địa chỉ: 18 Trần Khánh Dư – Nha trang – Khánh hòa.

- Kiểm toán viên chính: Huỳnh thị Trúc Linh – Chứng chỉ kiểm toán số 2647-2013-008-1.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa, được lập ngày 13 tháng 03 năm 2016, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2/ Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Đính kèm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán : Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính).

Nha Trang, ngày ... tháng 04 năm 2016.
CÔNG TY CP MUỐI KHÁNH HÒA.
CHỦ TỊCH HĐQT



VĂN HIÊN ĐỨC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI
KHÁNH HÒA**

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 37
8. Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa được thành lập theo Quyết định số 1366/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2001 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000028 ngày 22 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 04 năm 2004 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07 tháng 08 năm 2006 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 10 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17 tháng 11 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ từ 17.111.700.000 VND lên 37.398.230.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại : 058 - 3 831 063 - 3 831 066
Fax : 058 - 3 831 065
Mã số thuế : 4 2 0 0 4 7 6 8 6 9

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Sản xuất các loại muối hạt, muối chế biến, muối iốt và các sản phẩm sau muối;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại muối hạt, muối chế biến, muối iốt và các sản phẩm sau muối;
- Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ ngành muối;
- Khảo sát thiết kế, lập dự án xây dựng đồng muối;
- Công nghiệp hóa chất;
- Kinh doanh dịch vụ cảng biển, kho bãi và bốc xếp hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hóa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Văn Hiền Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013
Lê Văn Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013
Vũ Mạnh Kiên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013
Trương Việt Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013
Nguyễn Bá Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Anh Tú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013
Võ Vẽ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013
Nguyễn Hữu Huân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Văn Hiền Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013
Lê Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013
Vũ Mạnh Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013
Hoàng Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013
Nguyễn Thị Mỹ Huệ	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Văn Hiền Đức (tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2013).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Văn Hiền Đức

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 058/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nha Trang, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Huỳnh Thị Trúc Linh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2647-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.772.384.988	18.801.559.252
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.833.500.244	9.978.271.980
1. Tiền	111		1.333.500.244	1.478.271.980
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	8.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.026.601.968	5.217.119.152
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.696.497.788	4.639.255.564
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	108.700.000	273.650.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	221.404.180	304.213.588
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6.848.158.292	3.576.425.899
1. Hàng tồn kho	141	V.6	6.848.158.292	3.576.425.899
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.124.484	29.742.221
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	-	29.742.221
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	64.124.484	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.880.434.376	53.390.165.972
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		49.082.029.839	50.394.115.084
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	49.082.029.839	50.382.448.418
- Nguyên giá	222		81.590.114.924	79.029.195.874
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.508.085.085)	(28.646.747.456)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	11.666.666
- Nguyên giá	228		35.000.000	35.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.000.000)	(23.333.334)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	2.799.320.967	589.354.932
- Nguyên giá	231		3.499.757.972	1.154.468.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(700.437.005)	(565.113.949)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	147.798.783
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	147.798.783
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.647.396.000	1.647.396.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2a	1.647.396.000	1.647.396.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		351.687.570	611.501.173
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	351.687.570	611.501.173
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		71.652.819.364	72.191.725.224

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		15.892.251.098	16.878.756.961
I. Nợ ngắn hạn	310		14.533.251.098	15.920.756.961
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.584.467.575	272.060.250
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	301.273.743	238.552.856
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	767.007.437	2.171.973.650
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.640.695.111	6.020.853.868
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	71.500.000	71.500.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	7.272.727	4.545.455
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	169.050.933	291.661.875
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	5.637.114.751	4.300.051.747
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.354.868.821	2.549.557.260
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.359.000.000	958.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	1.359.000.000	958.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.760.568.266	55.312.968.263
I. Vốn chủ sở hữu	410		55.760.568.266	55.312.968.263
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	37.398.230.000	37.398.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		37.398.230.000	37.398.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21	(990.000)	(990.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	6.297.644.249	5.710.356.237
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	12.065.684.017	12.205.372.026
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.669.075.830	12.205.372.026
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		9.396.608.187	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		71.652.819.364	72.191.725.224



Hoàng Thị Lan Hương
Người lập biểu



Nguyễn Thị Mỹ Huệ
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2016

Văn Hiền Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.242.839.043	65.966.927.699
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	13.300.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.229.539.043	65.966.927.699
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	42.447.617.642	44.449.446.651
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.781.921.401	21.517.481.048
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	442.954.305	942.887.615
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	381.680.039	535.410.131
Trong đó: chi phí lãi vay	23		381.680.039	524.431.932
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	2.141.748.140	1.346.762.351
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	3.721.298.878	3.441.745.681
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.980.148.649	17.136.450.500
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.871.377.151	4.601.586.319
12. Chi phí khác	32	VI.9	84.798.196	458.254.880
13. Lợi nhuận khác	40		2.786.578.955	4.143.331.439
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.766.727.604	21.279.781.939
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	3.020.967.372	4.410.290.557
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.745.760.232</u>	<u>16.869.491.382</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a, b	<u>2.670</u>	<u>3.834</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a, b	<u>2.670</u>	<u>3.834</u>

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2016



Hoàng Thị Lan Hương
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ Huệ
Kế toán trưởng

Văn Hiền Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.766.727.604	21.279.781.939
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9, 10	4.222.827.351	4.001.924.278
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	10.631.863
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(450.507.082)	(5.092.925.231)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	381.680.039	524.431.932
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.920.727.912	20.723.844.781
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		126.392.700	(1.167.895.154)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.271.732.393)	(406.093.447)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.245.872.641)	(69.200.598)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7a,b	289.555.824	442.823.936
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(381.680.039)	(524.431.932)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(4.304.975.159)	(3.862.397.466)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(1.956.552.472)	(1.622.294.151)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.175.863.732	13.514.355.969
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 10, 11	(4.972.909.358)	(3.691.068.776)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	31.818.182	4.363.110.770
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(33.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	33.800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	418.688.900	926.296.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.522.402.276)	1.598.338.894

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a, 19b	27.883.063.004	21.320.718.012
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a, 19b	(26.145.000.000)	(22.569.955.765)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(9.536.296.196)	(5.609.586.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.798.233.192)	(6.858.823.753)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.144.771.736)	8.253.871.110
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.978.271.980	1.724.446.861
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(45.991)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.833.500.244	9.978.271.980

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2016

Hoàng Thị Lan Hương
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ Huệ
Kế toán trưởng



Văn Hiền Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu muối hạt, muối chế biến, muối lốt và các sản phẩm sau muối; Nhập khẩu vật tư thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ ngành muối; Khảo sát, thiết kế, lập dự án xây dựng đồng muối; Công nghiệp hóa chất; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, kho bãi và bốc xếp hàng hóa; Vận chuyển hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Muối Xuất khẩu Hòn Khói	Phường Ninh Diêm - Thị Xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa
Nhà máy Chế biến Muối và Sản xuất Hóa Chất	Phường Ninh Diêm - Thị Xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa
Xí nghiệp Muối Cam Ranh	Xã Cam Thịnh Đông - Thành phố Cam Ranh - Tỉnh Khánh Hòa
Trạm Muối 2/4	Xã Ninh Ích - Thị xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa
Cảng Hòn Khói	Phường Ninh Hải - Thị xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các thông tin so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 403 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 419 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các chi phí sửa chữa tàu, sửa chữa xe cộ ... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8
Tài sản cố định khác	10 - 20

9. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà kho thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư từ 5 đến 15 năm.

10. **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	74.371.508	149.595.338
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.259.128.736	1.328.676.642
Các khoản tương đương tiền	4.500.000.000	8.500.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>4.500.000.000</u>	<u>8.500.000.000</u>
Cộng	<u>5.833.500.244</u>	<u>9.978.271.980</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Công ty đã mua 204.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Muối Ninh Thuận, mệnh giá 10.000 đồng với giá trị đầu tư là 1.647.396.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với Công ty Cổ phần Muối Ninh Thuận

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch nhận cổ tức số tiền 307.350.000 VND, cổ tức năm trước là 778.620.000 VND.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>3.891.852.158</i>	<i>3.966.422.800</i>
Công ty TNHH Muối Khánh Vinh	3.891.852.158	3.966.422.800
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>804.645.630</i>	<i>672.832.764</i>
Nguyễn Thị Cúc	-	-
Công ty TNHH Hoàng Ngân	108.602.038	112.032.635
Các khách hàng khác	696.043.592	560.800.129
Cộng	<u>4.696.497.788</u>	<u>4.639.255.564</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỠI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>108.700.000</i>	<i>273.650.000</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Hoàn Mỹ	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông	40.000.000	-
Công ty TNHH Quỳnh Hưng	-	180.000.000
Các khách hàng khác	18.700.000	43.650.000
Cộng	108.700.000	273.650.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>221.404.180</i>	<i>304.213.588</i>
Tạm ứng của nhân viên	91.681.974	186.007.347
Bảo hiểm xã hội	-	51.063.400
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	114.722.206	67.142.841
Cộng	221.404.180	304.213.588

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	824.521.177	782.054.650
Công cụ, dụng cụ	119.668.176	47.087.861
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.885.823	5.614.267
Thành phẩm	5.902.083.116	2.741.669.121
Cộng	6.848.158.292	3.576.425.899

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	28.342.921
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.399.300
Cộng	-	29.742.221

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	162.471.363	357.544.462
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	189.216.207	253.956.711
Cộng	351.687.570	611.501.173

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	20.889.832.229	4.476.824.282	7.756.733.240	137.056.005	45.768.750.118	79.029.195.874
Mua trong năm	-	-	100.000.000	-	-	100.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	619.128.417	832.133.671	-	-	1.224.156.962	2.675.419.050
Phân loại lại tài sản	72.503.548	-	-	-	(72.503.548)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(214.500.000)	-	-	(214.500.000)
Số cuối năm	21.581.464.194	5.308.957.953	7.642.233.240	137.056.005	46.920.403.532	81.590.114.924
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	920.906.501	890.832.624	3.723.305.622	68.321.460	2.870.288.069	8.473.654.276
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.920.442.033	2.125.771.818	4.765.502.927	83.851.763	17.751.178.915	28.646.747.456
Khấu hao trong năm	791.309.589	441.982.107	460.512.647	9.819.220	2.372.214.066	4.075.837.629
Phân loại lại hao mòn	(289.132)	1.631.890	1.684.380	(1.684.481)	(1.342.657)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(214.500.000)	-	-	(214.500.000)
Số cuối năm	4.711.462.490	2.569.385.815	5.013.199.954	91.986.502	20.122.050.324	32.508.085.085
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	16.969.390.196	2.351.052.464	2.991.230.313	53.204.242	28.017.571.203	50.382.448.418
Số cuối năm	16.870.001.704	2.739.572.138	2.629.033.286	45.069.503	26.798.353.208	49.082.029.839
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.958.538.167 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa.

9. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	35.000.000	23.333.334	11.666.666
Tăng trong năm	-	11.666.666	-
Số cuối năm	35.000.000	35.000.000	-

Phần mềm kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.154.468.881	565.113.949	589.354.932
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.345.289.091	-	-
Khấu hao trong năm	-	135.323.056	-
Số cuối năm	3.499.757.972	700.437.005	2.799.320.967

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư là nhà kho cho thuê, nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng cho thuê là 143.486.758 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Một số bất động sản đầu tư có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.319.230.523 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	147.798.783	5.020.708.141	(5.020.708.141)	(147.798.783)	-
<i>Các công trình tại văn phòng</i>	-	126.624.825	(126.624.825)	-	-
<i>Các công trình tại nhà máy chế biến</i>	-	775.442.339	(775.442.339)	-	-
<i>Các công trình tại XN Muối Hòn Khói</i>	147.798.783	39.707.549	(39.707.549)	(147.798.783)	-
<i>Các công trình tại XN Muối Cam Ranh</i>	-	605.812.137	(605.812.137)	-	-
<i>Các công trình tại Cảng Hòn Khói</i>	-	3.473.121.291	(3.473.121.291)	-	-
Cộng	147.798.783	5.020.708.141	(5.020.708.141)	(147.798.783)	-

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	1.584.467.575	272.060.250
Công ty TNHH Mạnh Khải	1.153.301.000	-
Công ty TNHH Tân Thạnh Phước	194.200.500	32.297.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	236.966.075	239.763.250
Cộng	1.584.467.575	272.060.250

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	301.273.743	238.552.856
Khanh Hoa Salt Inc., Japan	268.648.836	224.934.499
Nguyễn Văn Hùng	30.000.000	-
Các khách hàng khác	2.624.907	13.618.357
Cộng	301.273.743	238.552.856

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	116.447.863	-	1.206.919.768	(1.387.492.115)	-	64.124.484
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.039.975.159	-	3.020.967.372	(4.304.975.159)	755.967.372	-
Thuế thu nhập cá nhân	15.550.628	-	498.478.508	(502.989.071)	11.040.065	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	1.554.577	(1.554.577)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	165.996.000	(165.996.000)	-	-
Thuế môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Cộng	2.171.973.650	-	4.901.916.225	(6.371.006.922)	767.007.437	64.124.484

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động sản xuất muối không chịu thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ khác là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%. Riêng thu nhập chịu thuế đối với hoạt động tinh chế muối phải nộp với thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động theo qui định tại điểm e, khoản 3 điều 19 Thông tư 78 /2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.766.727.604	21.279.781.939
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(249.117.519)	(640.284.660)
- Các khoản điều chỉnh tăng	58.232.481	138.335.340
- Các khoản điều chỉnh giảm	(307.350.000)	(778.620.000)
Thu nhập chịu thuế	14.517.610.085	20.639.497.279
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.193.874.219	4.540.689.401
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(172.906.847)	(130.398.844)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.020.967.372	4.410.290.557

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Số tiền lương còn phải trả cho người lao động.

Quỹ tiền lương của Công ty được phê duyệt theo Quyết định 138/CPM ngày 10/7/2015 của Tổng Giám đốc với đơn giá là 64%/hiệu quả không lương.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền trả trước về cho thuê mặt bằng đặt trụ ATM.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>169.050.933</i>	<i>291.661.875</i>
Kinh phí công đoàn	90.357.340	221.216.665
Bảo hiểm xã hội	39.577.197	34.166.511
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	39.116.396	36.278.699
Cộng	<u>169.050.933</u>	<u>291.661.875</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.637.114.751</i>	<i>4.300.051.747</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	5.082.114.751	3.876.051.747
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	555.000.000	424.000.000
Cộng	<u>5.637.114.751</u>	<u>4.300.051.747</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh muối với lãi suất vay áp dụng theo từng giấy nhận nợ tại từng thời điểm nhận nợ, lãi suất vay hiện đang áp dụng là 7%/năm, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ (tối đa 6 tháng). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.8).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.876.051.747	26.792.063.004	-	(25.586.000.000)	5.082.114.751
Vay dài hạn đến hạn trả	424.000.000	-	555.000.000	(424.000.000)	555.000.000
Cộng	4.300.051.747	26.792.063.004	555.000.000	(26.010.000.000)	5.637.114.751

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.359.000.000</i>	<i>958.000.000</i>
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	1.359.000.000	958.000.000
Cộng	1.359.000.000	958.000.000

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8), bao gồm:

- Vay để bù đắp chi phí mua 2 xe ô tô 79A-052.22 và 79A-053.34, với lãi suất vay 10%/năm, thời hạn vay là 48 tháng.
- Vay để lắp đặt nhà kho tiền chế tại Cảng Hòn Khói với lãi suất vay 8,5%/năm, thời hạn vay 56 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	555.000.000	424.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.359.000.000	958.000.000
Cộng	1.914.000.000	1.382.000.000

Chi tiết số phát sinh của vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	958.000.000	3.111.500.061
Số tiền vay phát sinh	1.091.000.000	1.700.000.000
Số tiền vay đã trả	(135.000.000)	(3.429.500.061)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(555.000.000)	(424.000.000)
Số cuối năm	1.359.000.000	958.000.000

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.237.991.439	1.311.565.821	2.549.557.260
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	880.932.016	880.932.017	1.761.864.033
Điều chuyển các quỹ	50.000.000	(50.000.000)	-
Chi quỹ	(806.117.709)	(1.150.434.763)	(1.956.552.472)
Số cuối năm	1.362.805.746	992.063.075	2.354.868.821

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỖI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn Hiền Đức	1.347.000.000	1.347.000.000
Hoàng Ngọc Tiến	4.969.580.000	4.969.580.000
Nguyễn Thị Phương	3.554.050.000	3.554.050.000
Các cổ đông khác	27.527.600.000	27.527.600.000
Cổ phiếu quỹ	(990.000)	(990.000)
Cộng	<u>37.397.240.000</u>	<u>37.397.240.000</u>

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.739.823	3.739.823
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.739.823	3.739.823
- Cổ phiếu phổ thông	3.739.823	3.739.823
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(99)	(99)
- Cổ phiếu phổ thông	(99)	(99)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.739.724	3.739.724
- Cổ phiếu phổ thông	3.739.724	3.739.724
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 số 71/CPM ngày 28 tháng 4 năm 2015 và Điều lệ hoạt động Công ty như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	: 587.288.012
• Trích quỹ khen thưởng (7,5%)	: 880.932.016
• Trích quỹ phúc lợi (7,5%)	: 880.932.017

Trong năm 2015, Công ty đã chi trả bổ sung cổ tức năm 2014 cho các cổ đông số tiền 9.536.296.196 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản cố định của Nhà nước nhận giữ hộ khi chuyển sang Công ty cổ phần.

22b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 1.331,77 USD (số đầu năm là 2.198,55 USD)

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	42.749.373.914	48.388.415.619
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.493.465.129	17.578.512.080
Cộng	<u>60.242.839.043</u>	<u>65.966.927.699</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Muối Khánh Vinh (do bà Nguyễn Thị Phương – Giám đốc Công ty TNHH Muối Khánh Vinh là cổ đông lớn của Công ty) như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Muối Khánh Vinh</i>	<i>26.129.135.910</i>	<i>24.166.939.440</i>
Doanh thu bán thành phẩm	25.944.524.400	23.926.005.700
Doanh thu cung cấp dịch vụ	184.611.510	240.933.740

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	30.078.537.904	32.635.354.992
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.369.079.738	11.814.091.659
Cộng	<u>42.447.617.642</u>	<u>44.449.446.651</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	111.338.900	147.676.900
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.145.175	16.590.715
Cổ tức, lợi nhuận được chia	307.350.000	778.620.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.120.230	-
Cộng	<u>442.954.305</u>	<u>942.887.615</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	381.680.039	524.431.932
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	346.336
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	10.631.863
Cộng	<u>381.680.039</u>	<u>535.410.131</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	36.599.167	61.785.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.342.658	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.075.356.715	1.271.283.119
Chi phí bằng tiền khác	28.449.600	13.693.519
Cộng	<u>2.141.748.140</u>	<u>1.346.762.351</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.298.148.266	2.073.702.528
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	69.133.025	183.456.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	376.992.418	365.863.314
Thuế, phí và lệ phí	52.988.170	75.179.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.820.670	213.121.316
Chi phí khác	706.216.329	530.422.023
Cộng	<u>3.721.298.878</u>	<u>3.441.745.681</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản	31.818.182	-
Hoàn nhập quỹ lương dự phòng năm trước	2.651.807.734	-
Thu tiền bồi thường giao đất tại Cam Ranh	-	4.453.456.658
Thu nhập khác	187.751.235	148.129.661
Cộng	<u>2.871.377.151</u>	<u>4.601.586.319</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý tại Cam Ranh	-	113.884.477
Chi phí đền bù bồi thường giao đất Cam Ranh	-	172.943.850
Chi phí nộp phạt	-	2.911.343
Chi phí khác	84.798.196	168.515.210
Cộng	<u>84.798.196</u>	<u>458.254.880</u>

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.745.760.232	16.869.491.382
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.761.864.033)	(2.530.423.708)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	9.983.896.199	14.339.067.674
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.739.724	3.739.724
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.670</u>	<u>3.834</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 4.511 VND xuống còn 3.834 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.205.246.525	4.747.838.076
Chi phí nhân công	32.889.877.402	32.515.389.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.222.827.351	4.001.924.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.901.381.054	7.248.799.556
Chi phí khác	1.248.017.879	1.427.793.130
Cộng	<u>51.467.350.211</u>	<u>49.941.744.844</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và phụ cấp	858.903.100	886.369.600
Thù lao	321.000.000	321.000.000
Cộng	<u>1.179.903.100</u>	<u>1.207.369.600</u>

b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác chỉ có Công ty TNHH Muối Khánh Vinh là khách hàng lớn và lâu năm của Công ty (có giá trị thành phẩm xuất bán chiếm 43% tổng doanh thu), đồng thời có các nhân sự quản lý chủ chốt là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Phương - Giám đốc, sở hữu 355.405 cổ phần, chiếm 9,5% vốn điều lệ;
- Ông Nguyễn Văn Cương - Kế toán trưởng, sở hữu 186.638 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với Công ty TNHH Muối Khánh Vinh

Ngoài các giao dịch bán hàng đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không còn phát sinh giao dịch nào khác với Công ty TNHH Muối Khánh Vinh.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận.

Công nợ với Công ty TNHH Muối Khánh Vinh

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.3.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính tổng hợp nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất muối hạt và muối chế biến
- Lĩnh vực 2: Dịch vụ tại Cảng Hòn Khói

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất muối hạt và muối chế biến	Lĩnh vực dịch vụ tại Cảng Hòn Khói	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	42.736.073.914	17.493.465.129	60.229.539.043
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.736.073.914	17.493.465.129	60.229.539.043
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.875.327.617	4.043.546.766	11.918.874.383
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			11.918.874.383
Doanh thu hoạt động tài chính			442.954.305
Chi phí tài chính			(381.680.039)
Thu nhập khác			2.871.377.151
Chi phí khác			(84.798.196)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.020.967.372)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			11.745.760.232
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.202.401.057	3.501.621.291	5.704.022.348
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.403.840.137	1.372.991.171	4.776.831.308
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	48.388.415.619	17.578.512.080	65.966.927.699
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.388.415.619	17.578.512.080	65.966.927.699

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất muối hạt và muối chế biến	Lĩnh vực dịch vụ tại Cảng Hòn Khói	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.964.552.595	5.764.420.421	16.728.973.016
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			16.728.973.016
Doanh thu hoạt động tài chính			942.887.615
Chi phí tài chính			(535.410.131)
Thu nhập khác			4.601.586.319
Chi phí khác			(458.254.880)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(4.410.290.557)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			16.869.491.382
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.957.056.849	1.786.234.683	4.743.291.532
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.405.828.070	1.419.825.426	4.825.653.496

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất muối hạt và muối chế biến	Lĩnh vực dịch vụ tại Cảng Hòn Khói	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	33.910.497.499	28.629.773.157	62.540.270.656
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			9.112.548.708
Tổng tài sản			71.652.819.364
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.925.640.286	1.780.157.601	10.705.797.887
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			5.186.453.211
Tổng nợ phải trả			15.892.251.098
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	39.130.850.967	26.986.580.244	66.117.431.211
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			6.074.294.013
Tổng tài sản			72.191.725.224
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	6.885.408.817	421.512.679	7.306.921.496
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			9.571.835.465
Tổng nợ phải trả			16.878.756.961

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán tổng hợp					
Phải thu ngắn hạn khác	136	118.206.241	186.007.347	304.213.588	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	186.007.347	(186.007.347)	-	(i)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp					
Thu nhập khác	31	4.684.184.281	(82.597.962)	4.601.586.319	(ii)
Chi phí khác	32	540.852.842	(82.597.962)	458.254.880	(ii)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.511	(677)	3.834	(iii)

(i) Trình bày số dư tạm ứng từ tài sản ngắn hạn khác sang phải thu ngắn hạn khác.

(ii) Trình bày giảm thu nhập và chi phí của tài sản thanh lý.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông do khoản trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ	5.637.114.751	1.359.000.000	6.996.114.751
Phải trả người bán	1.584.467.575	-	1.584.467.575
Các khoản phải trả khác	110.616.396	-	110.616.396
Cộng	7.332.198.722	1.359.000.000	8.691.198.722
Số đầu năm			
Vay và nợ	4.300.051.747	958.000.000	5.258.051.747
Phải trả người bán	272.060.250	-	272.060.250
Các khoản phải trả khác	36.278.699	-	36.278.699
Cộng	4.608.390.696	958.000.000	5.566.390.696

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay có giá trị nhỏ.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.833.500.244	-	9.978.271.980	-
Phải thu khách hàng	4.696.497.788	-	4.639.255.564	-
Các khoản phải thu khác	129.722.206	-	118.206.241	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.647.396.000	-	1.647.396.000	-
Cộng	12.307.116.238	-	16.383.129.785	-

Nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	1.584.467.575	272.060.250
Vay và nợ	6.996.114.751	5.258.051.747
Các khoản phải trả khác	110.616.396	36.278.699
Cộng	<u>8.691.198.722</u>	<u>5.566.390.696</u>

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.



Hoàng Thị Lan Hương
Người lập biểu



Nguyễn Thị Mỹ Huệ
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2016




Văn Hiền Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ (990.000)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	37.398.230.000	-	4.122.745.455	4.319.364.921	45.839.350.376
Điều chỉnh do áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	744.136.213	-	744.136.213
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	16.869.491.382	16.869.491.382
Trích lập các quỹ	-	-	843.474.569	(3.373.898.277)	(2.530.423.708)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(4.300.682.600)	(4.300.682.600)
Tạm ứng cổ tức năm 2014	-	-	-	(1.308.903.400)	(1.308.903.400)
Số dư cuối năm trước	37.398.230.000	(990.000)	5.710.356.237	12.205.372.026	55.312.968.263
Số dư đầu năm nay	37.398.230.000	(990.000)	5.710.356.237	12.205.372.026	55.312.968.263
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	11.745.760.232	11.745.760.232
Trích lập các quỹ	-	-	587.288.012	(2.349.152.045)	(1.761.864.033)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(9.536.296.196)	(9.536.296.196)
Số dư cuối năm nay	37.398.230.000	(990.000)	6.297.644.249	12.065.684.017	55.760.568.266

Đơn vị tính: VND

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2016



(Handwritten signature)

Hoàng Thị Lan Hương
Người lập biểu

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Mỹ Huệ
Kế toán trưởng

Văn Hiền Đức
Tổng Giám đốc